

Bản án số: 21/2021/DS-ST

Ngày: 07.7.2021

“V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Hùng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Công C**
Ông **Ngô Văn S**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Khuất Duy T** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-DS ngày 01.12.2020 về *“Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXX-ST ngày 01.6.2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-DS ngày 25.6.2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị P**, sinh năm: 1967. Trú tại: Số K100/18, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 26, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Đình B**, sinh năm 1955. Trú tại: Tổ 16, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Phan Thị P trình bày:* Bà Ph quen biết ông Ng do ông N làm cán bộ tại Ủy ban nhân dân phường H nên bà P có nhờ ông Nguyễn làm sổ đỏ đất tại tổ 12, Xuân Thiều, phường N quận C, thành phố Đà Nẵng. Bà P có đưa tiền cho ông N nhiều lần với tổng số tiền là 130.000.000đ. Khi nhận tiền ông Nguyễn có viết giấy nhận tiền ông N viết giấy nhận tiền tổng cộng là 160.000.000đ, sau khi đã trừ vào số tiền bà P

30.000.000đ nhận để làm dịch vụ. Như vậy bà P chỉ giao cho ông N số tiền 130.000.000đ. Khi nhận tiền ông Nguyễn cam kết trong thời gian 90 ngày sẽ làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông Ng không làm được. Bà P đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn trả lại tiền, đến ngày 08.9.2019 ông Nguyễn viết giấy cam kết hoàn trả lại tiền, nhưng ông Ng vẫn không trả. Nay bà P yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng N phải có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 130.000.000đ đã nhận, bà Phan Thị P không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàng N không có ý kiến phản hồi gửi đến Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình B trong văn bản gửi đến Tòa án vào ngày 23.6.2021 trình bày:* Trước đây ông Trần Đình B có ký hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Hoàng N với số tiền 450.000.000đ và ông B có giao cho bà P số tiền 160.000.000đ để làm giấy tờ đất. Tuy nhiên sau khi việc mua bán không thành nên ông B đã lấy lại tiền từ ông Nguyễn và số tiền bà P nhận của ông B 160.000.000đ đã giải quyết xong, nên ông Trần Đình B không có yêu cầu đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 26, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng trả số tiền 130.000.000đ mà ông Nguyễn Hoàng N đã nhận từ bà Phan Thị P để làm giấy tờ nhà, đất nhưng ông Nguyễn Hoàng N không thực hiện hiện. Vì vậy bà P yêu cầu ông Nguyễn trả số tiền trên cho bà Phan Thị P. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 25.6.2019 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N nhưng ông

Nguyên vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Phan Thị P quen biết ông Nguyễn Hoàng N trên cơ sở trước đây ông N làm cán bộ tại Ủy ban nhân dân phường N, nên bà P có nhờ ông N làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ 12, Xuân Thiều, phường N, quận C thành phố Đà Nẵng cho ông Trần Đình B. Trong năm 2018 bà Phan Thị P có giao tiền cho ông Ng nhiều lần với tổng số tiền là 130.000.000đ. Khi nhận tiền ông Ng cam kết trong thời gian 90 ngày sẽ làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Đình B. Tuy nhiên ông Nguyễn Hoàng N đã không thực hiện như nội dung đã cam kết. Đến ngày 08.9.2021 ông N viết giấy cam kết trong thời gian từ ngày 08.10.2019 đến ngày 08.11.2019 sẽ trả đủ cho bà P số tiền 160.000.000đ. Tuy nhiên ông Ng không thực hiện việc trả tiền như đã cam kết với bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà P yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 130.000.000đ, vì thực tế bà P chỉ giao cho ông Ng số tiền 130.000.000đ. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt và không ý kiến gửi đến Tòa án, nên không có cơ sở để xem xét đến ý kiến của ông N về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để giải quyết vụ án. Từ các căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Nguyễn Hoàng N có nhận của bà Phan Thị P số tiền 130.000.000đ. Do ông N không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết nên ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị P số tiền 130.000.000đ, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 274 và Điều 280 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N buộc ông Nguyễn Hoàng N phải trả cho bà Phan Thị P số tiền: 130.000.000đ. Về tiền lãi bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị P nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 130.000.000đ x 5% = 6.500.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông Trần Đình B có thỏa thuận và đã giao cho bà P số tiền 160.000.000đ để làm giấy tờ đất. Tuy nhiên giữa ông B đã và bà P đã thỏa thuận giải quyết xong số tiền nêu trên, ông Trần Đình B, bà Phan Thị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 274 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hoàng N trả cho bà Phan Thị P số tiền: 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án cơ đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ số tiền phải thi hành án, thì người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn bà Phan Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà P đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004798 ngày 23.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

